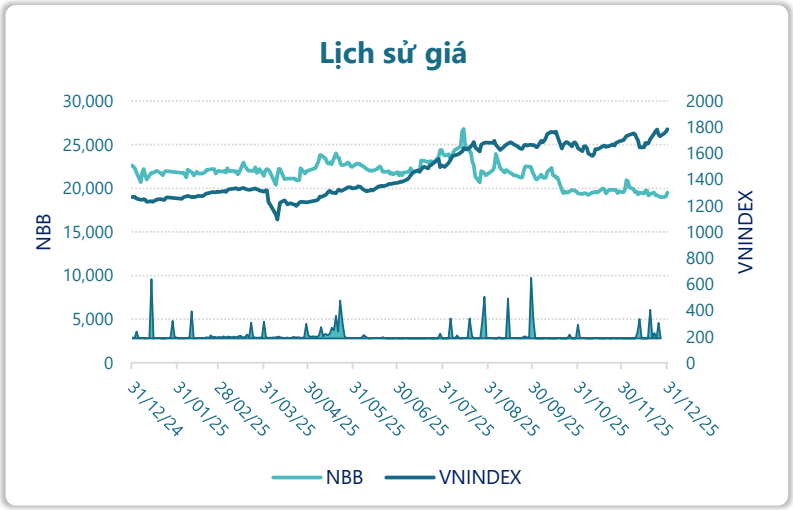
FireAnt

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**19,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,000
SL cổ phiếu LH	100,159,795
KLGD BQ 20 phiên (CP)	752,545
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,953
P/E	176.1
EPS	111

DT thuần

Q4/25

5.91

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.83| -12.2%

YoY: ▼6.79| -53.4%

LN sau thuế

Q4/25

9.81

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.11| 1302%

YoY: ▲ 9.41| 2353%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

710%

+/- YoY: ▲ 298%

DT thuần

2025

35.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼29.0| -44.8%

LN sau thuế

2025

10.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.2| 2319%

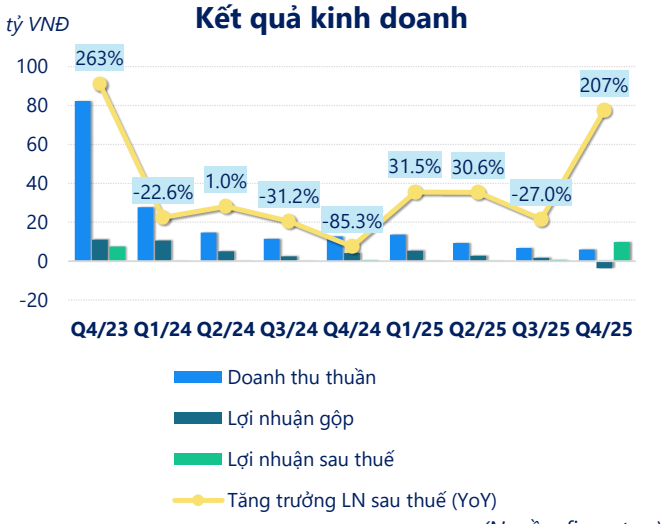
ROE

2025

0.6%

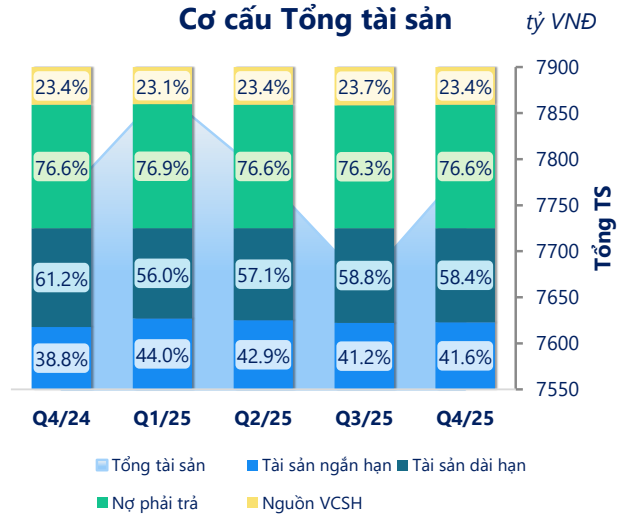
+/- YoY: ▲ 0.6%

Kết quả kinh doanh



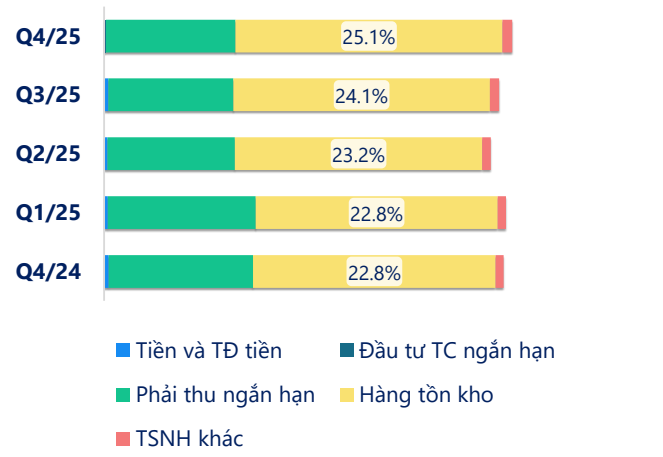
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



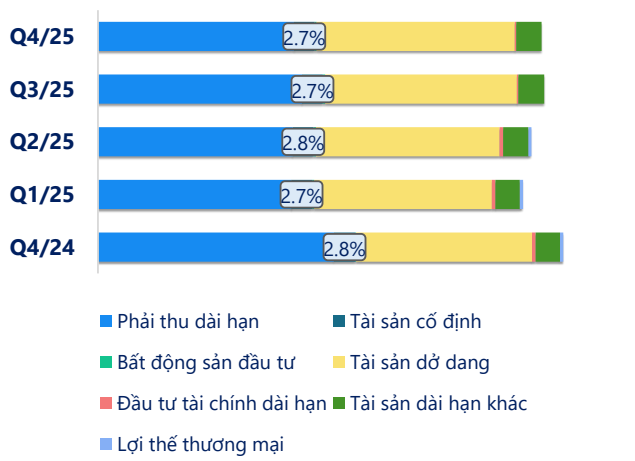
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



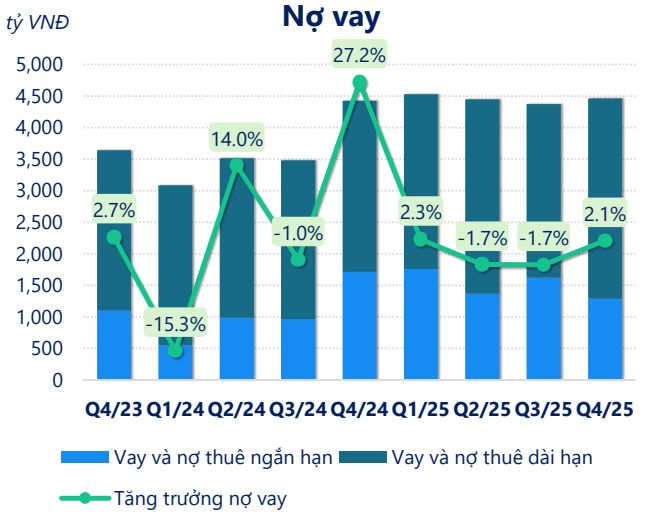
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



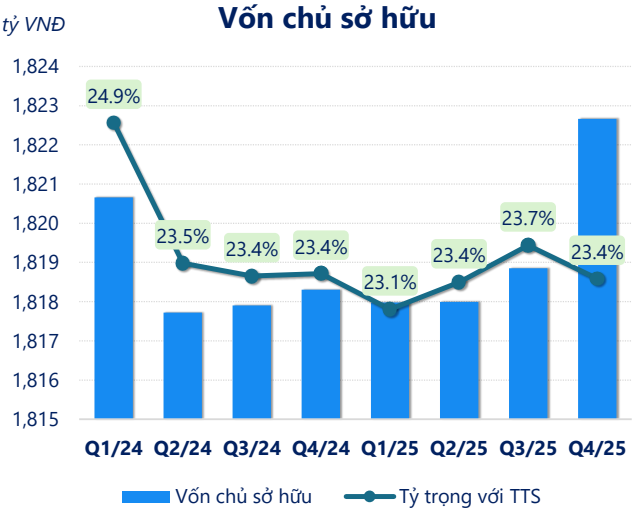
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



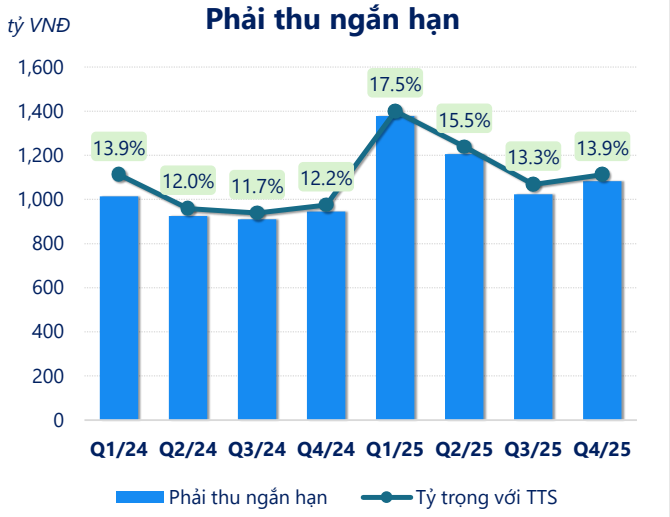
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



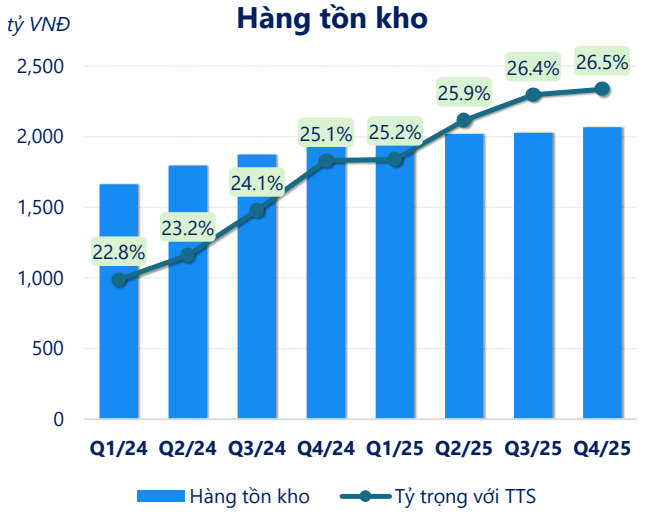
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



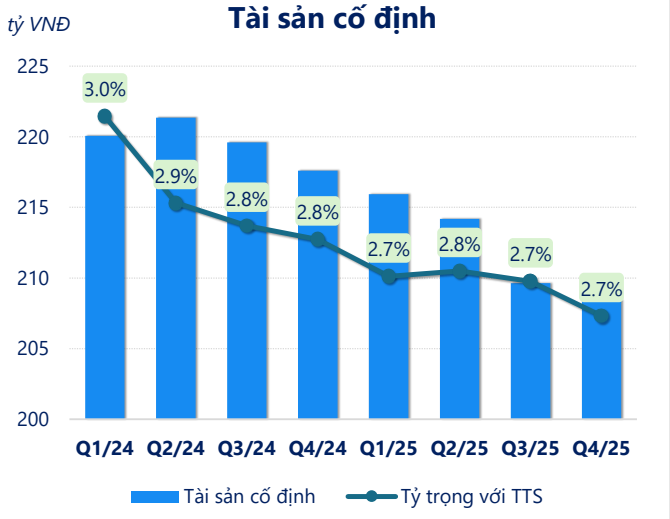
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



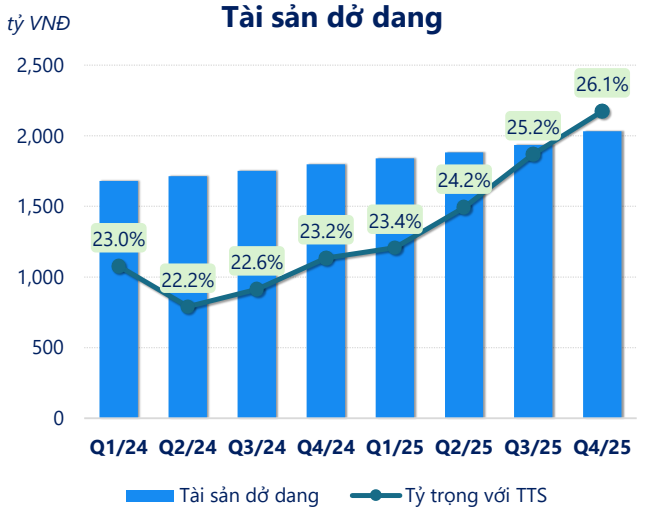
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



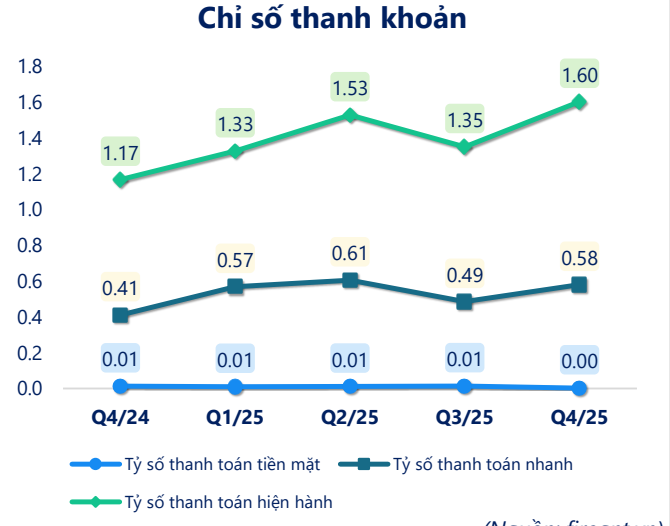
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



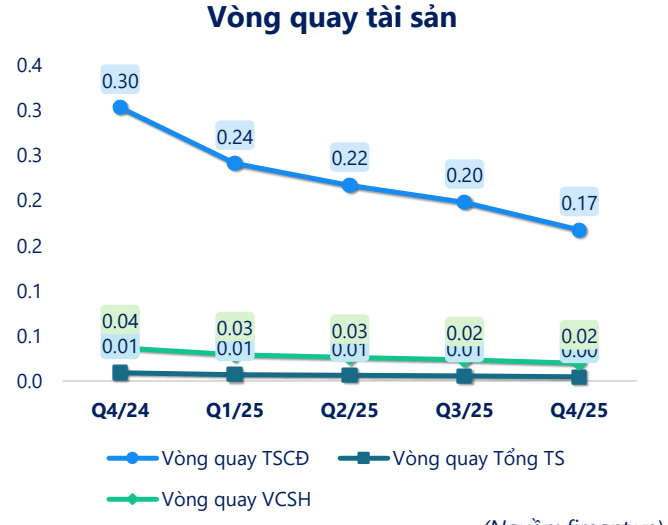
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**7,756**	**7,873**	**7,783**	**7,666**	**7,791**
Tài sản ngắn hạn	**3,006**	**3,467**	**3,341**	**3,162**	**3,241**
Tiền và tương đương tiền	33.1	27.3	25.3	32.0	4.07
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.00	9.00	9.00	0	0
Phải thu ngắn hạn	945	1,378	1,206	1,023	1,083
Hàng tồn kho	1,949	1,980	2,018	2,026	2,068
Tài sản ngắn hạn khác	70.4	72.5	83.8	80.7	86.3
Tài sản dài hạn	**4,750**	**4,406**	**4,441**	**4,504**	**4,550**
Phải thu dài hạn	2,409	2,002	1,996	2,060	2,011
Tài sản cố định	218	216	214	210	208
Bất động sản đầu tư	8.82	23.7	23.4	23.1	22.7
Tài sản dở dang	1,797	1,841	1,882	1,935	2,032
Đầu tư tài chính dài hạn	36.6	36.6	36.6	16.2	16.2
Tài sản dài hạn khác	247	254	258	261	259
Lợi thế thương mại	34.0	33.0	32.0	0	0
Nợ phải trả	**5,937**	**6,055**	**5,965**	**5,847**	**5,968**
Nợ ngắn hạn	**2,574**	**2,613**	**2,186**	**2,341**	**2,022**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,712	1,757	1,366	1,624	1,286
Phải trả người bán ngắn hạn	95.6	93.1	93.4	47.3	37.7
Nợ dài hạn	3,363	3,442	3,778	3,506	3,947
Vay và nợ thuê dài hạn	2,714	2,769	3,083	2,747	3,176
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,818**	**1,818**	**1,818**	**1,819**	**1,823**
Vốn chủ sở hữu	**1,818**	**1,818**	**1,818**	**1,819**	**1,823**
Vốn điều lệ	1,005	1,005	1,005	1,005	1,005
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)